

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

1. NHÓM BÀI TẬP VỀ CHÍNH TẢ, DÙNG TỪ

Bài tập 1:

1.1. Phát âm chuẩn các tiếng có thanh điệu *hỏi, ngã*

1.2. Phát âm chuẩn các âm vị trong đơn vị tiếng:

- Chuẩn âm đầu:

<i>tr, gi, ch : trời ≠ giới, chời; trặc ≠ chặc, chặt.</i>	<i>r, d, g : rồi ≠ dòi, gòi.</i>
<i>s, x : sạch sẽ ≠ xạch xẽ</i>	<i>h, g : huy hoàng ≠ guy goàng</i>
<i>v, d : về ≠ dề ; v, dz : vô ≠ dzô</i>	

- Chuẩn âm chính:

<i>o, oa : bò ≠ boà iu, êu : huu ≠ hêu</i>	<i>ê, e : đễ ≠ đẻ. a, e : ba má # be mé</i>
<i>ay, ai : máy ≠ mái ; ề, ìa : về ≠ dzìa</i>	<i>au, ao : lau ≠ lao</i>

- Chuẩn âm cuối:

<i>n, ng : nhàn ≠ nhàng ; làn ≠ làng.</i>	<i>c, t : cấc ≠ cắt.</i>
-------------------------------------------	--------------------------

Bài tập 2: Trong những từ sai chính tả ở các đoạn văn dưới đây, từ nào có thể dùng mẹo luật chính tả (kể cả trường hợp ngoại lệ) để viết lại cho đúng:

(1) Ông Tư đặt chiếc mỗ lét xuống rồi nói:

- Anh qua hỏi bà Năm xem! Bã vừa chở về cả lô hàng đó!

Tôi nghĩ bụng: - Bà Năm thì sẵn sàng giúp mình, ngắt một nỗi từ đây qua bên đó đường sá xa xôi, đi lại vất vả quá. Giá biết trước thì đâu ra nông nỗi này.

(2) Anh thương người mẹ già quanh năm lam lũ, tất tả ngược xuôi. Khi anh quyết định lên Tây Nguyên lập nghiệp, mẹ lẳng lẳng gom góp, vay mượn cho anh một số tiền lớn. Mẹ mong sao anh có được nhà cửa hẳn hoi ở miền đất mới. Mẹ thường nhắc nhở anh: "Có an cư mới lạc nghiệp!". Mẹ cũng dặn: "Cuộc sống cần phải kiên trì, bền bỉ mới có tương lai!".

(3) Lão vốn tính tình cương trực, suốt đời không biết luôn lỗi, không biết nài nỉ một ai. Có người cho lão là hạng người nông nổi. Thật ra, nếu từng sống với lão mới biết đây là một con người đáng kính trọng. Không thích sự ve vãn, không có ý xài xẽ hay phỉnh phờ ai, lão sống ung dung, thản nhiên giữa cuộc sống bình yên nhưng không hề bình lặng này.

Bài tập 3: Viết tên cơ quan, đơn vị mà bạn đang học tập, công tác.

Bài tập 4: Đặt dấu thanh điệu vào đúng vị trí cho các trường hợp sau:

GIẶT GIA (.)	:	GIA
GIA LÚA (.)	:	GIA
(~)		
GIẶT GIU (~)	:	GIU
NẶNG TRIU (?)	:	TRIU
HOA QUA (/)	:	QUA
QUY KHÁCH (?)	:	QUY
QUY DỮ	:	QUY

Bài tập 5: Từ các tiếng dưới đây, hãy thêm dấu thanh điệu và dấu mũ để chúng trở thành những phát ngôn có nghĩa:

- *Toi bo bang chan tay.*
- *Soi to tam ben song.*
- *Nha may co khi gia lam.*

Bài tập 6: Viết hoa những trường hợp cần thiết cho những câu sau:

- 1- *"Hương thơm" của Phan thị Thanh nhàn là một bài thơ giàu nhạc tính.*
- 2- *Những hoạt động sôi nổi của hội liên hiệp thanh niên thành phố Hồ Chí Minh ngày càng có nhiều bạn trẻ tham gia.*
- 3- *Mát Xơ Va còn có tên gọi khác là Mạc tư khoa.*
- 4- *Má Tư đã được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt nam anh hùng.*
- 5- *Thầy Ba vừa được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú.*
- 6- *Anh Tư vừa nhận huân chương độc lập tháng trước thì tháng sau lại được phong nghệ sĩ nhân dân.*
- 7- *Tội phạm có tên bảy buá đã ra đầu thú.*
- 8- *Từ năm 1999, chị lấy bút danh là ánh dương (hoặc thủy triều).*
- 9- *Chủ trì cuộc họp là đồng chí tổng bí thư (hoặc thủ tướng chính phủ, chủ tịch xã)*
- 10- *Chuyến công tác của anh về phía nam có ghé qua nam cực (hoặc nam bộ, bắc trung bộ, tây nguyên, mũi cà mau, cà mau, đồng tháp mười, xã hà an, huyện tú an)*

Bài tập 7:

7.1. Chọn từ cho sẵn trong ngoặc để điền vào các chỗ trống:

1. *Mẹ lo việc đồng [áng, án], chị lo soạn giáo [án, áng].*
2. *Giặc bị một trận thất điên [bát, bác] đảo.*

3. Diệt chuột bằng[bả, bã] chuột.
4. Đi xa mệt [bã, bả] người lại gặp chuyện buồn [bã, bả].
5. Không dùng thứ cặn [bã, bả].
6. Thàng kiếm ngàn ấy tiền chẳng [bỏ bã, bỏ bả, bỏ bã] vào đâu.
7. Miệng nó la[bãi hải, bãi hải, bãi hải].
8. Ông ta bị[bãi miễn, bãi miễn] chức vụ.
9. Hắn là loại người [bản tính, bản tính] hay [cáu bẳn, cáu bẳn].
10. Bé[tắt bật, tắt bật] như con lật đật.
11. Con thú run [lẩy bẩy, lẩy bẩy, lẩy bẩy] khi bị sa[bẩy, bẩy].
12. Người này hay bắt [bẻ, bẻ].
13. Có một lần nó bị [bẻ, bẻ] mặt.
14. Miệng nhai [bỏm bẻm, bôm bôm, bôm bôm], chân lội[lồm bồm, lồm bồm, lồm bồm].
15. Người lái xe [ben, beng] bị lang [beng, ben].
16. Vì cái xà [beng, ben] mà làm rùm [beng, ben] khiến mọi người rói [beng, ben].
17. Làm [béng, bén] đi cho xong chuyện.
18. Những kẻ[bẻo, bẻo] mép thường bạc[bẻo, bẻo].
19. Nhà có chó [béc giê, bét giê].
20. Rượu chè be [bét, béc] làm nát[bét, béc] sự / cơ nghiệp.
21. Anh ta làm [bẻ, bẻ] cái [bẻ, bẻ] thợ rèn.
22. Hắn ngòi[bệt, bệch] xuống, mặt trắng [bệch, bệch].
23. Cứ bền[bĩ, bĩ], hết hôi [bĩ, bĩ] cực tất sẽ thái lai.
24. Cô ta[bữu bữu] môi, ra lời dè [bữu, bữu].
25. Phụ người chẳng[bỏ, bỏ] khi người phụ ta.
26. Nồi canh toàn nước [lõng bông, lỏng bông, lỏng bông].
27. Nhác (bông, bông) đĩa bé lên anh mới biết là nó nhẹ(bông, bông).
28. Buổi đầu gặp nhau còn [bỡ ngỡ, bỏ ngỡ].
29. Dăm [bừa, bừa] nữa anh nhớ đến[bừa, bừa] cùi giúp tôi.
30. Trời oi [bức, bức] nó còn [bức, bức] tóc, ra vẻ[bức, bức] bói.
31. Thấy nó [bực bội, bực bội] mà[bực, bực] cười.
32. Tắm[cát, cát] tông cũ mà thấy còn rất cứng [cát, cát].

33. Vì chuyện[cái, cãi] tên mà họ[cãi vãi, cãi vả] nhau.
34. Kẻ đếu[cáng, cán] thường chẳng có tài.....[cán, cáng] gì máy.
35. Nhanh như[cắt, cắc], nó ném đồng bạc[cắc, cắt] ra.
36. Cụ già dáng đi[lẫm cẩm, lảm cảm, lẫm cảm], nói năng hay [lảm cảm, lẫm cảm].
37. Đồ[lác các, lát cát] làm việc chẳng[cát nhắc, các nhắc].
38. Nước mắt rơi.....[lã chã, lả chã, lã chã, lả chã].
39. Anh ngồi[chan, chang] canh ăn giữa trời nắng chang[chang chan].
40. Tâm hừa[chắc, chắt] là sẽ ăn[chắt, chắc] để dành cho cháu[chắt, chắc].
41. Ông Tư. ...[chặc, chặt] lưỡi: “- Làm vậy thì không.....[chặt chẽ, chặc chẽ]”.
42. Bé đi[lẫm chẫm, lảm chẫm, lẫm chẫm].
43. Thằng mặt [chẫu, chẩu] đang [chẩu, chẫu] môi.
44. Cành cây[chẽ, chẻ] chữ Y.
45. Cô ấy sống đơn[chiếc, chiét], lỡ có làm gì sai đừng chì[chiết, chiếc] mà tội nghiệp.
46. Có mùi lạ bốc ra từ[chĩnh, chỉnh] mắt..
47. Hấn dùng cùi[chỏ, chõ] hích[chõ, chỏ] xôi.
48. Gần đây con trai lão còn bày đặt chích[choác, choát] nữa chứ.
49. Thấy không có ai trông coi, nó[chõm, chỏm] lấy một chú gấu nhựa.
50. Cậu ta té xuống[chõng, chỏng] tre, nằm[chỏng, chõng] gọng.
51. Bức tường có nhiều vết[lỗ chõ, lỗ chỏ, lỗ chỏ].
52. Không ăn dưa[chuwột, chuộc] là con[chẫu chuộc, chẫu chuột].
53. Truyện[Chừ, Chử] Đồng Tử rất hay.
54. Chết[chử, chử], sao không chạy[chử, chử] cho nó.
55. Trẻ đi.....[lững chững, lửng chửng, lửng chững] hay nuốt.....[chững, chững].
56. Trông nó còm [cỏi, cỏi] nhưng rất cứng[cỏi, cỏi] và cũng không kém[cỏi, cỏi] gì đâu.
57. Chì đặt cây[cũi, cũi] vào bép rồi đi tháo[cũi, cũi] cho con chó.
58. Trong lúc ở[cữ, cữ] phải kiêng[cữ, cữ].

59. Vị quan nào trái lệnh cấp trên sẽ bị[cửu, cửu].
60. Trống chèo dóng (gióng)[dả, dả] mà người chừa[dã, dả] rượu.
61. Khi lấy nước dùng dư[dả, dả] trong ngày, anh trở về lều[dã, dả] chiến.
62. Chị rút[dải, dải] yếm lau mũi[dãi, dải, giải] cho thằng bé.
63. Khúc ruột miền Trung dài dằng[dặc, dặt].
64. Đùng[dần, dân] xác tóì mà ăn nói dớ[dần, dân].
65. Đùng nên khinh[dẻ, dẻ], người đòi[dễ, dễ] có mấy ai như anh ấy.
66. Đùng[dôi, dôi] bước theo nó, hãy trở lui đóng cái[dôi, dôi] cửa đi!
67. Y[dông, đồng] dục tuyên bố : Thành công !
68. Thằng bé ở trường đồng[dõng, đồng].
69. Hẩn[dở, dở] theo toàn những món[dở, dở].
70. Trời đất dun[dũi, dũi] khiến họ gặp con dế[dũi, dũi].
71. Cái thứ[dả, dả] dốt, cực chẳng[dã, dả] mới nói.
72. Phó lác[đác, đát] mấy người, gọi nhớ cảnh bi[đát, đác] trong phim.
73. Hẩn vừa la đay[đầy, đầy] vừa giật[đầy, đầy] quần áo.
74. Chỗ này theo ông là[đắc, đát] địa nhưng giá cả quá[đắt, đắc] đỏ.
75. Thời gian dài dằng[đặng, đặng], thế mà nó có đeo[đặng, đặng] mãi.
76. Y vừa chơi xóc[đĩa, đĩa], vừa nhìn con[đĩa, đĩa] dính ở [đĩa, đĩa] xe đạp.
77. Chiếc tiem thủy[đỉnh, đỉnh] tiến tới một cách[đỉnh, đỉnh] đặc.
78. Hẩn đùng[đỉnh, đỉnh] đi tới phía chiếc[đỉnh, đỉnh] bằng đồng.
79. Cái[dở, đỏ] nuôi ong có màu đỏ.
80. Mới đi một[đổi, đổi] mà sự việc khác quá[đổi, đổi] như có ai làm phép hoán[đổi, đổi].
81. Nhờ ai làm[dở, đỏ] cho một tí để ăn cho[dở, đỏ] đói.
82. Nó đi[đùng, đùng] đỉnh rồi bổng[đườn, đườn] người ra như để che cái[đùng, đùng] quần bị thủng.
83. Hát[dở ẹc, dở ẹc, dở ẹt] thì chỉ có nước [dở, đỏ] khoai theo mà ăn.

84. Xe hôi mùi[ét, éc] xăng còn lộn trên xe thì kêu[eng éc, en éc. eng ét].
85. Trông dáng cô ta rất[éo lả, ẻo lã, ẽo lã].
86. Con[ênh, ênh] ương, vừa kêu vừa[ênh, ênh] cái bụng ra.
87. Thằng mặt[gãy, gáy] đang[gãi, gải] cánh tay bị[gãy, gáy].
88. Mẹ ...[ghẻ, ghẻ] tơ, chị[ghẽ, ghẻ] ngô, nó thì gỡ.....[ghẻ, ghẻ].
89. Nó cười[giả lả, giả lã, giả lã] rồi chạy vào[giã, giả] gạo.
90. Tiếng chuông gióng.....[giả, giả] giữa tiếng cười giòn.....[giã, giả].
91. Mẹ thương cho.....[dài, dài, giải] yếm vì nó bắt được nhiều con[giải, giải].
92. Đôi lúc.....[gãm, gãm] sự đòi mà thương hại những kẻ thích gạ.....[gãm, gãm] người khác.
93. Một đứa thì đang.....[giã, giã] giữa, đứa kia thì đang cười[giểu, giểu].
94. Mụ ngồi chàng[hàng, hăng] trước[hăng, hăng] buôn .
95. Y là kẻ bắt[hảo, hảo], vừa.....[hảo, hảo] ngọt vừa hay hứa[hảo, hảo].
96. Hẩn..... [hắt, hắt]ra thứ gì mùi hăng....[hắc, hắc], muốn....[hắt, hắc] xì hơi.
97. Cứ đi 30 phút nữa[hăng, hăng] nghỉ, đến đó.....[hăng, hăng, hẩn] hay.
98. Bị[hăng, hăng] chân ở cuối.....[hềm, hềm], y thấy người bị.....[hăng, hăng] hụt.
99. Chúng cười[hỉ hả, hỉ hả, hỉ hả] vì được trả công hậu[hĩ, hĩ].
100. Người hóm[hỉnh, hỉnh] không[hỉnh, hỉnh] mũi như những kẻ hòm[hỉnh, hỉnh].
101. Chỗ[hòm, hòm] bên núi sâu[hòm, hòm] vì gần[hòm hòm] đá.
102. Nó thờ[hôn hên, hôn hên, hôn hên] sau cuộc[hôn, hôn] chiến.
103. Mái nhà có lỗ[hông, hông] mà anh[hông, hông] biết à !
104. Bị óm[hử, hử] ? Sao không ừ[hử, hử] gì cả vậy ?
105. Lộn.....[i, i] kêu àm.....[i, i] khi lửa dưới nồi cảm đang âm...[i, i] cháy.
106. Chuyện âm(i, i) đã lâu nay có dịp chị mới làm àm(i, i) lên.

107. Ở... [kê, kê] chợ, khi...[kê, kê] khẩu hiệu, họ tránh những.....[kê, kê] hở.
108. Đừng đưa vòng[kèo, kéo] kẹt,...[kéo, kéo] mà em bé thức dậy.
109. Trên chiếc tràng.....[kỷ, kỷ] cũ[kỹ, kỷ] có một[kỹ, kỷ] nữ.
110. Ông cẩu.....[kính, kính] vội đeo mực[kính, kính] rồi ôm chông sách lính.....[kính, kính] ra về.
111. Nó[khiên cưỡng, khiêng cưỡng] khi yêu cầu người ta[khiêng, khiên] chiếc[khiên, khiêng] đi nơi khác.
112. Một[lả, lã] người, mô hôi[lã chã, lả chã, lả chã] vì buôn bán lỗ.....[lã, lả] phải uống nước[lã, lả].
113. Đừng.....[lải nhải, lải nhãi, lải nhãi] nữa, đuôi con rắn[lãi, lải] ra ngoài giùm tôi đi !
114. Thằng[lãng, lãng] tai[lãng vắng, lãng vắng, lãng vắng] đâu đó thôi.
115. Già nua đi[lảm cãm, lảm cãm}, ăn nói[lảm cãm, lảm, cãm], miệng hay[lảm bảm, lảm bảm, lảm bảm].
116. Nó chạy[lẩn cẩn, lẩn cẩn] một hồi rồi.....[lẩn, lẩn] đâu mất.
117. Tay.....[lấy, lấy] bấp, miệng[lấy, lấy] Kiêu, mắt nhìn ông làm.....[lấy, lấy] nó.
118. Giờ bà mới vỡ(lẽ, lẽ) cô ấy chấp nhận sống.....(lẽ, lẽ) loi vì không chịu làm (vợ)(lẽ, lẽ).
119. Tật ngòi lê mách[lẻo, lẽo], lại hay nói hót[lẻo, lẽo] mà cứ.....[lẻo đẹo, lẽo đẹo, lẽo đẹo] theo người ta hoài.
120. Mái tóc chị ấy[loã xoã, loã xoã, loã xoã].
121. Thằng[lỏi, lỏi] len[lỏi, lỏi] vào để nhặt một.....[lỏi, lỏi] cây.
122. Thằng má[lôm, lôm] đứng nghe[lôm, lôm] chuyện riêng tư.
123. Bị lạc[lông, lỏng] giữa phố, khi về lại bị cướp đón[lông, lỏng].
124. Một[lỗ hồng, lỗ hồng] lớn trên bức tường loang[lỗ, lỗ].
125. Thằng bé tóc[lớm chớm, lớm chớm], hay nói[lớm, lớm] thế nào cũng bị mắc[lớm, lớm].
126. Giò phong lan treo[lũng lảng, lũng lảng, lũng lảng] trước nhà.
127. Thằng Tí[lục cục, lục cục] chạy theo mẹ.

128. Nó bỏ[lửng, lững] câu chuyện, đi[lững thững, lừng thững] lên gác[lửng, lững].
129. Hấn[mảnh khảnh, mãnh khảnh] nhưng rất ma.....[mãnh, mảnh].
130. Mò[mãm, mẫm] một hồi, nó chắc.....[mẫm, mẫm] vớ được vàng.
131. Da nổi[mẩn, mẫn] có thể do cơ thể [mẩn, mẫn] cảm.
132. Con chó chúi.....[mồm, mòm] vào[mòm, mồm] đất.
133. Như[mỗ, mỏ] đây chẳng biết[mỏ, mỗ] xẻo là gì.
134. Trông cái bộ dạng nó khóc mà[mũi, mũi, mũi] lòng.
135. Chị cứ nhìn cái dáng người [mồm mồm, mồm mồm] của nó rồi..... [mồm mồm, mồm mồm, mồm mồm] cười.
136. Lệnh tâm[nã, nả] khiến cho lão càng thấy nôn[nả, nã].
137. Thầy cúng cầm[nải, nải] chuỗi bỏ vào tay[nải, nải].
138. Nó bị bùa[ngải, ngãi] hay vì tham vàng mà bỏ[ngãi, ngải].
139. Đừng đi[ngả, ngã] này kẻo bị[ngã, ngả] đấy!
140. Trông ai cũng[nghềnh ngang, nghềnh ngang, nghềnh ngang] cả.
141. Các cửa[ngõ, ngõ] của thành phố đều bị bỏ[ngỏ, ngõ].
142. Thằng[ngỗ, ngỗ] ngược không chịu hái rau [ngổ, ngổ].
143. Đứa bé bị mẹ mắng đứng [nghiu, nghiu].
144. Uống say ngật[ngường, ngường] lại đứng chỗ cao ngật..... [ngường, ngường].
145. Thằng[nhãi, nhãi] ranh đang lái[nhãi, nhãi] gì đấy?
146. Cái thời bảng[nhãn, nhản], thám hoa đầy nhan[nhản, nhãn].
147. Miếng thịt vừa dài[nhặng, nhặng], vừa dai[nhặng, nhặng].
148.[nhõng nhẽo, nhõng, nhẽo, nhõng nhẽo] thì được chứ đừng có.....[nhõng nhảnh, nhõng nhảnh].
149. Bảo nó, nó cứ[những nhặng, những nhặng] nên sự việc cứ[những nhặng, những, nhặng] mãi.
150. Dùng miếng mồi để[nhử, nhữ] con thú dữ.
151. Bài thơ “Thần” có câu: “.....[Nhữ, Nhữ] đảng hành khan thủ bại hư”.
152. Bụng[ông, ông] còn đi[ông, ông] ẹo nữa chứ !
153. Chú đừng nói[õm, ỏm] ờ nữa.

154. Nghe [phong thanh, phong phanh] có người mua heo giá cao.
155. Trời lạnh mà nó mặc đồ[phong phanh, mong manh] đi ra ngoài.
156. Cậu bé lớn[phổng, phồng] lên.
157. Ai đó đã[phổng, phồng] mắt số vải còn lại.
158. Trận đòn đánh[phủ, phũ] đầu rất[phũ, phũ] phàng.
159. Nghe tiếng gà kêu quang[quác, quát], bỏ[quát, quác] lên.
160. Mẹ[quây, quây] gánh nước, con cá[quây, quây] ánh trăng vàng.
161. Không dùng bánh[quảy, quây] để cúng[quảy, quây].
162. Da mặt héo[quắt, quắc] nhưng đôi mắt sáng[quắc, quắt].
163. Cành cây[quặt, quặc] quẹo trông rất kỳ[quặc, quặt].
164. Lúc cùng[quấn, quẫn] người ta hay nghĩ[quần, quẫn].
165. Đoạn[quảng, quãng] cáo bị ngắt[quãng, quảng].
166. Lão giờ[quê, quẽ] lúc đến quãng đồng quanh[quẽ, quê].
167. Cửa[rả, rã] gì mà rệu.....[rã, rả] hết vậ.
168. Hấn run[rấy, rẩy] nhưng rồi cũng[rẩy, rấy] ra được.
169. Đi cấy[rẽ, rẻ], công tính không rành.....[rẽ, rẻ] lại bị coi.....[rẻ, rẻ].
170. Nó....[rỉ, rĩ] tai: “ - Vòi nước chảy ...[rỉ rỉ, rĩ rĩ] trông mà rầu[rĩ, rỉ] ”.
171. Trông dáng ròm[rỏi, ròi] nhưng nó rất rắn[rỏi, ròi].
172. Ông nói cà[rờn, rờn] nhưng nó sợ đến[rờn, rờn] tóc gáy.
173. Anh[rứt, rứt] giùm tôi sợi tóc cho đỡ[rứt, rứt] đầu.
174. Các sư[sãi, sãi] cũng giỏi bơi[sãi, sãi].
175. Trời[sấm, sấm] tối, bức tường bỗng[sấm, sấm] màu lại.
176. Con chim[sẻ, sẻ] hạ cánh[sẻ, sẻ] sàng.
177. Đám đông mê tín[sì sụp, xì sụp, sì sụt] lay trước hòn đá lạ.
178. Cho biết[sĩ, sĩ] số của lớp để giao sách theo giá bán[sĩ, sĩ].

179. Khi bé chưa nói[sỡi, sỏi] thì bé đã xếp khăn rất sành[sỏi, sỡi].
180. Người hay hứa[suông, suôn] có thể viết văn rất.....[suôn, suông].
181. Hấn[sửng, sững] cô lên làm tôi[sửng, sững] sốt đến mức[sững, sững] cả người.
182. Bé bị bệnh[tả, tả], mẹ phải mua thêm nhiều[tả, tả] lót.
183. Mẹ[tạt, tạt] qua mua ít mù...[tạt, tạt] cho thợ[tạt, tạt] tượng.
184. Chị[tãi, tải] mỏng mấy miếng khoai rôi[tãi, tải] tóc ra phơi.
185. Nói vẫn[tắt, tắt] là đường sá vẫn còn nạn[tắt, tắt] nghẽn.
186. Chị[tễ, tễ] bấp bỏ chung với gạo[tẻ, tẻ].
187. Khi tập[tễnh, tễnh] biết đi, bé phải bước tập[tễnh, tễnh]
188. Họ[thải, thải] các thứ thừa[thải, thải] ra bãi[thải, thải].
189. Cành.....[thược dược, thược dược] nằm dài thườn[thướt, thướt].
190. Cây tóc tiên bị héo ông cảm thấy[tiêng, tiên] tiếc.
191. Hấn há[toác, toát] miệng, người.....[toát, toác] mồ hôi.
192. Chiếc gậy[toẻ, toẻ] đầu,[toẻ, toẻ] ra nhiều phía.
193. Lúc trăng vừa lặn thì ông buông lời(trăng, trăn) trôi với vợ con.
194. Chuối[trỏ, trỏ] buồng, cau[trỏ, trỏ] hoa, lúa[trỏ, trỏ] bông
195. Nó cười[tùm tùm, tùm tùm, tùm tùm] đây nấp[tũn, tũn] mắt rồi nhảy[tũm, tũm]xuống ao.
196. Mẹ không đi[tước, tướt] mía vì bé bị đi[tướt, tước].
197. Con lợn[ùn ỉn, ỉn ỉnh] đi[ục ịch, ục ịch, ục ịch] kêu[ục ịch, ục ịch].
198. Họ cãi[vã, vã] một hồi rồi xỉ[vả, vã] nhau đến[vã, vã] mồ hôi, sùi bọt mép.
199. Hấn đứng xán[vản, vãn] một hồi rồi đưa tay quấy nước[vản, vãn] đục, lại vờ[vãn vãn] nói mấy câu vớ.....[vản, vãn].
200. Bị cho ăn bánh[vẻ, vẻ], mà[vẻ , vẻ] mặt nó ra ...[vẻ, vẻ] hớn hỏ.

201. Cô van[vi, vĩ] hẳn ra phố mua giùm mấy[vi, vĩ] thuốc.
202. Thê là vĩnh[viễn, viễn] không còn mơ ước[viễn, viễn] vòng về chuyền[viễn, viễn] du dài ngót năm tháng.
203. Y không dùng[võ, vủ] công mà lại dùng[vỏ chai].
204. Bị một trận đòn xưng.....[vửng, vững], hẳn đứng không.....[vững, vửng].
205. Cậu bé[vứt, vức] rác vào chiếc thùng vuông[vức, vút].
206. Hồi ấy, ở kênh[xáng, xán], vì[xán, xáng] cái bát, hẳn bị ông ta.....[xáng, xán] cho một bạt tai.
207. Tương lai [xán lạn, sáng lạn, sáng lạng, xáng lạng] đang chờ đón cậu ấy.
208. Ông trở nên[xǎng, xǎng] giọng khi nghe việc ấy[xáy, xãy] ra.
209. Bé cầm mấy miếng khoai[xắt, xắ] lát bỏ vào cái[xắ, xắt].
210. Con chuột bị[xẻo, xẻo] tai đang vội vàng bơi qua[xẻo, xẻo].
211. Hẳn [xì xụp, sì sụp, xì sụt] húp bát cháo nóng còn mẹ nó thì(sì sụp, xì xụp) lạy.
212. Hẳn xăm[xia, xĩa] nhào tới[xia, xĩa] xói cô ấy.
213. Cả tuần nay ông ấy cứ sợ người ta đến nhà [xiết nợ, xiếc nợ, siết nợ].
214. Bức tranh xoàng[xĩnh, xỉnh] ấy nằm trong xó.....[xĩnh, xĩnh] nào đó.
215. Cô[xủ, xữ] rèm, để che mái tóc[xoã, xoả].

7.2. Chọn từ thích hợp để điền vào các chỗ trống:

(1). Vườn ông Tư xanh, điểm vào đó là những đóa trà mi trắng..... Cuối vườn, cây mai nở những cánh vàng..... xinh.....

Giữa nắng xuân ấm..... cảnh sắc trở nên tươi..... và rục..... đến lạ.....

(2). Ông Năm đã thay đổi nhiều sau nhiều năm làm nghề đào tường/vách khoét gạch. Mặt thì già da thì nhăn Hai con mắt vốn hay nheo nay lại sụp xuống him như mắt

(3). Nắng mùa thu vàng Trời thu xanh và cao Đồng lúa chín vàng lên theo sắc nắng của chiều thu. Hồ thu nước trong không một gợn sóng.

Cảnh mùa thu yên và vắng quá. Lòng người cũng lắng theo.

Bài tập 8:

8.1. Giải thích những từ, ngữ sau:

1. Ăn, ăn bớt, ăn chơi, ăn xin, ăn tiêu, ăn xài, ăn vụng, ăn mặc, ăn nói, ăn gian, ăn rở, ăn khín, ăn đồ, ăn chẹt, ăn bám, ăn hại, ăn năn, ăn kiêng, ăn mòn, ăn ý, ăn rơ, ăn thề, ăn đút ăn lót...
2. Nói, nói năng, nói dối, nói ngoa, nói khoác, nói điêu, nói tục, nói kháy, nói dóc, nói hót, nói leo, nói lớt, nói lóng, nói thêm nói bớt, nói vòng, nói đỡ lời, ...
3. Đi, đi xe đạp, đi con xe, đi tàu thủy, đi chợ, đi lính, đi bài quyền, đi ủng, đi vào nề nếp, đi sâu vào chuyên đề, đi đại (tiểu) tiện, đi lòng, đi quá giang, đi Tây, đi đò, ...
4. Chạy, chạy bộ, chạy xe, chạy giặc, chạy mưa, chạy chương trình, chạy làng, chạy thầy, chạy thuốc, chạy chợ, chạy vạy, chạy việc, chạy ăn, bán chạy, mô tơ chạy, tàu chạy, gặt chạy lũ, cưới chạy tang...
5. Xanh, xanh xanh, xanh xao, mặt xanh, xanh mặt, đầu xanh, cỏ xanh, xanh cỏ, mắt xanh, xanh mắt, mắt xanh mỏ đỏ, làn sóng xanh, đồng xanh, ...
6. Trắng, tay trắng, trắng tay, trắng án, mắt trắng, trắng mắt, uống nước trắng, thời áo trắng, sách trắng, cái chết trắng, ...
7. Vàng, vàng ròn, vàng mắt, mắt vàng, da vàng, vàng da, bàn tay vàng, giọng ca vàng, bàn thắng vàng, thông điệp vàng, đám cưới vàng, nhạc vàng, tấm lòng vàng, trái tim vàng, ...
8. Đỏ, mặt đỏ, đỏ mặt, đèn đỏ, đỏ đèn, đỏ đen, vận đỏ, trái thảm đỏ...
9. Da đen, đen da, chợ đen, quỹ đen, vận đen, châu lục đen, sách đen, xã hội đen, vàng đen ...
10. Nổi máu, máu chảy, máu nóng, máu lạnh, máu trắng, có máu mặt, khô máu...

* **Mở rộng:** Tìm những nét nghĩa khác nhau của các từ: *sang, giật, quay, mắt.*

- Thí dụ: sang năm mới \neq sang số ...

8.2. Tìm những từ thuần Việt có thể thay thế cho 5 từ Hán Việt (theo mẫu sau):

Từ Hán Việt	Từ thuần Việt
<i>Hoả tiễn</i>	<i>Tên lửa</i>
<i>Sơn hà</i>	<i>Sông núi, non sông</i>
<i>Tiền thủy đình</i>	<i>Tàu ngầm</i>
<i>Hoả xa</i>	<i>Xe lửa, tàu lửa</i>
<i>Mã lực</i>	<i>Sức ngựa</i>
<i>Bách chiến bách thắng</i>	<i>Trăm trận trăm thắng</i>

<i>Phi cơ</i>	<i>Máy bay</i>
<i>Phi trường</i>	<i>Sân bay</i>
<i>Quốc kỳ</i>	<i>Cờ nước</i>

8.3. Đặt câu và giải thích sự khác nhau của các cặp từ dưới đây:

- tay/tay chân
- bạn/bạn bè
- học/học hành
- nhọc/nhọc nhằn

8.4. Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ trong mỗi nhóm:

1. ngỡ ngác, ngỡ ngẩn, lơ ngỡ, lơ ngó
2. ngỡ ngẩn, ngờ nghệch, đàn độn, khờ, ngu, dốt
3. tức, giận, cáu, ghét, kị, kiêng, căm ghét, căm thù
4. vui, vui vẻ, vui tươi, vui sướng, vui vui, vui vầy
5. tươi tỉnh, tươi vui, tươi tắn, tươi trẻ, tươi đẹp
6. che, chắn, giấu, đậy, ủ, cất
7. trú, náu, trốn, ẩn, lẩn, tàng hình
8. rộng lớn, rộng rãi, sâu rộng
9. bát ngát, mênh mông, bao la
10. khô ngô, ngô nghĩnh

Bài tập 9: Sửa lại những từ chưa chính xác về nghĩa trong những câu văn sau:

- (1) *Học tập là việc phải tiếp tục suốt đời, chớ thấy khó khăn mà nản chí.*
- (2) *Đất nước 4000 năm văn vật đã un đúc nên truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*
- (3) *Trước lúc lâm sàng ai mà không cảm được nước mắt.*
- (4) *Thúy Kiều tha cho Hoạn Thư là hành động thể hiện tính nhân bản.*
- (5) *Trước khi đến đây để gặp anh, tôi đã hiểu ít nhiều về anh.*
- (6) *Trận ẩu đả kéo dài, người đến coi đông như hội.*
- (7) *Trong trận đấu bóng tại Hà Lan, hàng trăm người xem đánh nhau.*
(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)
- (8) *Để bắt được tên tội phạm, công an đã án ngữ các trục đường chính gần một ngày đêm.*
- (9) *Nuôi bò theo phương pháp thụ tinh nhân tạo là một hướng ứng dụng thành công thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.*
- (10) *Kỹ thuật cá nhân và kỹ thuật đồng đội ở trình độ thấp là yếu thế của đội bóng xã nhà.*

(11) Tai nạn lưu thông và nạn nghiện ngập vẫn là những vấn đề hàng đầu mà mọi người đang quan tâm.

(12) Cảm người điều khiển các loại phương tiện có mùi rượu bia.

(13) Người con đầu của má - dũng sĩ A - đã mất trong trận chống càn năm 1961.

(14) Hiện nay, một số loại vi rút đã có khả năng xâm phạm và phá hỏng cả mạng.

(15) Chỉ sau vài li rượu, anh bước chập chòn trên bờ đê.

(16) Người anh hùng ấy đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng rồi rút gươm tự sát.

(17) Từ chùa về nhà phải mất chừng một tiếng xe đạp.

(18) Tàu biển bị hỏng la bàn rất dễ lạc đường.

(19) Cuộc truy đuổi diễn ra từ 5h15 đến 14 giờ chiều.

(20) Họ cố kéo chú cọp dũ lên khỏi hố.

(21) Mặt đường xào xạc bởi những trận gió thu phong.

Bài tập 10:

10.1. Sửa lại những từ chưa phù hợp trong các câu văn, đoạn văn sau:

(1). Thu Hà hát rất giỏi. Ai nghe cô hát cũng đều rất vỗ tay khen ngợi. Tuy nhiên, cô rất ít ỏi lời nói. Cô chỉ nói rằng cô hát được chứ không phải là một chuyên nghiệp.

(2). Đà Lạt là thành phố núi non. Mỗi sáng, mỗi chiều sương che lưng sườn núi. Ở đây, mặt trời ngủ dậy sớm hơn mọi nơi khác. Khí hậu cả năm vừa mát lạnh vừa sạch sẽ.

Người ta nói Đà Lạt là một cái lò lạnh to lớn ở nam Tây Nguyên Việt Nam.

(3). Con lũ vừa qua đã để lại những thiệt hại nặng nề cho huyện H., tỉnh T.. Tất cả những trục đường chính trong huyện đều bị thiên tai làm hỏng. Một số cây cầu cũng chịu chung phần số ấy. Nhiều nhà dân bị nước cuốn đi mất. Số người chết do lũ là 6 người, trong đó có 4 trẻ con.

10.2. Lựa chọn câu mà anh, chị cho là dùng từ phù hợp nhất:

(1a) Anh nhớ gửi về manh áo cũ

Đắp cho con đỡ nhớ anh nhiều.

(1b) Anh nhớ gửi về manh áo cũ

Ủ con cho mẹ ấm nhờ hơi.

(2a) Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(2b) Cỏ non xanh rợn chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(3a) Sao anh không về thăm thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên.

(3b) Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên.

Bài tập 11: Xác định từ loại ngữ pháp của các từ trong những câu sau:

(1) - Chính nó đã làm hỏng cái máy hát.

(2) - À, tôi quên không nói với chị!

(3) - Ái chà, quả mít thơm quá!

(4) - Anh ăn cơm nhé!

(5) Ba chiếc xe du lịch đang chạy về phía Vũng Tàu.

(6) Họ bảo nhau đừng chấp thuận ý kiến vừa đưa ra.

(7) Cậu ấy tự tát vào má mình.

(8) Chị đề nghị mọi người cùng ngồi ăn chung một bàn.

(9) Trông nó ngộ nghĩnh như một con chó con.

(10) - Cậu bảo ai đến? Đến đâu? Làm gì?

(11) Nó im lặng tức là đã đồng ý.

(12) Vì mưa nhiều nên đất nhão nhoẹt ra.

(13) - Nói thiệt, tôi chả thèm cái món bánh mì kẹp thịt.

Bài tập 12: Viết lại những câu sau đây thành những câu có ngôn ngữ toàn dân.

- Bữa mô mời bạn vô chơi Huế.

(Tố Hữu)

- Em thương anh cha mẹ nỡ ửng.

(Dân ca)

- Răng không cô gái trên sông.

(Tố Hữu)

- Thương chi cho uổng công tình

Nấu về xír nấu bỏ mình bơ vơ.

(Ca dao)

O du kích nhỏ gương cao sủng.

(Tố Hữu)

Bài tập 13: Tìm 3 trường hợp nói, viết sử dụng từ phong cách/từ hạn định.

Bài tập 14: Nguyễn Tuân là nhà văn có lối dùng từ chệch chuẩn. Qua các câu, đoạn dưới đây, anh (chị) hãy chỉ ra các hiện tượng dùng từ chệch chuẩn của ông:

(1) "Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông, tỉnh Vân Nam lấy tên là Lý Tiên (...) mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hòa vào sông Hồng."

(Người lái đò sông Đà)

(2) "Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đày ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt." (Chữ người tử tù)

2. NHÓM BÀI TẬP VỀ CỤM TỪ, CÂU

Bài tập 15: Đặt câu có những cụm từ cố định sau:

- Nước đổ đầu vịt
- Xôi hỏng bỏng không
- Nhanh như cắt
- Coi trời bằng vung
- Đứng núi này trông núi nọ
- Sống để dạ, chết mang theo.

Diễn đạt ý những cụm từ cố định bằng cụm từ tự do.

Bài tập 16: Đặt 3 đến 5 câu có sử dụng cụm từ cố định.

Bài tập 17:

17.1. Nhận diện kiểu loại của các câu sau:

- (1) Ông cho là không phải ông?
- (2) Không! Tuyệt nhiên không!
- (3) Ông chắc chắn vậy sao?
- (4) Chắc chắn!
- (5) Chao ôi, đẹp quá!
- (6) Chao ôi! Đẹp quá!
- (7) Giữa ao mọc lên một bông sen.
- (8) Trên trời xuất hiện chòm sao lạ.

17.2. Chọn 1 đoạn văn của một tác giả mình yêu thích và nhận diện kiểu loại của các câu trong đoạn văn ấy.

Bài tập 18: Sửa lại những câu sau theo các yêu cầu: lên mô hình câu sai, chỉ ra loại lỗi, nguyên nhân lỗi, cách sửa, viết lại câu đúng.

- (1) Qua theo dõi nhiều năm đã phát hiện một loài sâu gây bệnh cho cây lúa.
- (2) Với ý thơ độc đáo đã gợi cho ta một cảm xúc mạnh.
- (3) Với tiếng ca đã khiến khán giả vô cùng ái mộ.
- (4) Bằng những câu ca dao ấy đã thể hiện đời sống tình cảm trong sáng của người bình dân thời xưa.
- (5) Khi phân tích đã phát hiện nhiều ý hay.
- (7) Khi ta đọc tác phẩm văn học. Người đọc thường ngẫm nghĩ và tự xét lại mình.
- (8) Khi học tiếng Việt rất khó khăn.

- (9) Những sinh viên mới tốt nghiệp đại học.
- (10) Những nhà thơ, trong cuộc sống đời thường, với tấm lòng nhân hậu.
- (11) Vì tương lai của chính mình, vì tiền đồ của dân tộc, phải chăm chỉ học tập và rèn luyện.
- (12) Hiện nay trong các tài liệu đã phát hiện nhiều về sao chổi.
- (13) Sở dĩ em phải ở nhà vì trời mưa nên em không đi đá bóng được.
- (14) Do ham chơi nên không chú ý việc học vì vậy Nam bị ở lại lớp.
- (15) Tuy học giỏi nhưng anh vẫn rất chiều chuộng cô ấy.
- (16) Dù ở xa nhà nhưng Hoa phải tự mình nấu cơm.
- (17) Bờ biển xanh trong mà lại gần khu nghỉ mát.
- (18) Thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng. Chúng ta không nên vứt rác trên cầu thang và lối đi, không để chó mèo phóng uế bừa bãi và viết vẽ bậy lên tường.

Bài tập 19: Nhận xét về cách diễn đạt trong các trường hợp sau, viết lại bằng cách diễn đạt rõ ý nhất:

- (1) Ai dám bảo những câu ca dao đầy trữ tình (như ...) là nhạt nhẽo, kém chất thơ, đồng thời vừa phản ánh được sinh hoạt của nông dân?
(Dẫn theo Nguyễn Hiến Lê – Nguyễn Q. Thắng)
- (2) Anh công an đang đuổi tên cướp chạy trên đường phố.
(Dẫn theo Nguyễn Hiến Lê – Nguyễn Q. Thắng).
- (3) Do hạn hán năm nay kéo dài nên đã làm giảm năng suất lúa.
- (4) Em trai tôi rất giỏi học toán.
- (5) Một số người xúm lại trói tên trộm bị ngã rồi bắt đưa lên xe công an.
- (6) Các em bé khi khóc thường gọi mẹ.
- (7) Do gà gáy nên trời sáng.
- (9) Mọi người đã được cô ấy làm cho xúc động bởi câu chuyện kể.
- (10) Những người già khi có tuổi thường khó tính.

Bài tập 20: Điền các cặp quan hệ từ vào các câu sau:

- (1) ... lúc này tôi chưa có dịp về thăm quê ... lòng tôi vẫn luôn luôn nhớ cảnh xưa, người cũ.
- (2) ... chiều nay nghỉ học ... tôi (...) đến thăm anh.
- (3) ... khó khăn đến mấy chúng ta ... phải vượt qua.
- (4) ... tình ngay ... lý vẫn là gian.
- (5) ... nó ham học ... chăm rèn luyện thân thể
- (6) ... trời mưa nhiều ngày ... nước sông dâng cao.

Bài tập 21: Sau kỳ thi chọn học sinh giỏi, thầy giáo A nói với thầy giáo B:

- “Cậu X chỉ giải được một số bài tập của đề thi”.

Hãy chỉ ra các nét nghĩa của câu nói trên.

Bài tập 22: Cô A nói với anh B:

- “*Mẹ anh thật khó tính*”.

Hãy chỉ ra các nét nghĩa của câu nói trên.

(Giả sử A và B có thể có các quan hệ sau: đôi bạn học, đôi bạn tình, cán bộ cùng cơ quan).

Bài tập 23: Tìm một số câu đồng nghĩa cho mỗi một câu dưới đây và chỉ ra sắc thái biểu cảm của các câu đồng nghĩa đó:

(1) *Cậu Nam sẽ thi đậu.*

(1) *Mọi người đều thích những sản phẩm có chất lượng.*

(3) *Một số người đã nói điều đó.*

(4) *Ngành này học khó nhưng sau này dễ kiếm việc làm*

(5) *Ở hạ giới có chuyện quản lý không được thì cấm.*

(6) *Việt Nam là điểm đến an toàn của du khách.*

Bài tập 24: Đặt dấu câu vào những vị trí cần thiết cho các đoạn văn sau:

(-) *Ở đất Cà Mau nhiều nhất là đước đước mọc san sát đến tận đất mũi cuối cùng thẳng đuột như hàng hà sa số cây dù xanh cắm trên bãi nhà cửa dựng theo những bờ kênh dưới những hàng đước xanh rì sông rạch quanh co trong đước đước kín bờ sông kín đồng kín bãi nhà nọ sang nhà kia phải đi trên cầu bằng thân cây đước. (Mai Văn Tạo)*

(-) *Than ôi cái công lao của bà xem như vút bỏ thẳng con bà đâu nghĩ tới những nỗi nhọc nhằn mà bà đã trải qua suốt hai mươi năm trời ngày ngày nó chỉ biết nhậ nhệch đua đòi với chúng bạn đôi khi bà muốn chết đi cho rồi nhưng nghĩ lại không đành.*

(-) *A Phở cho tôi đi A Phở chưa kịp nói Mị lại nói ở đây thì chết mất A Phở chột hiểu người đàn bà chề chồng đó vừa cứu sống mình A Phở nói đi với tôi và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi. (Tô Hoài).*

(-) *Mai Thu vừa về đến nhà mẹ đã hỏi ngay hôm nay con đi xem xiếc có vui không có hỏi cô giáo câu nào không hỏi về cái gì nào Mai Thu nghiêng nghiêng đầu nói vui lắm mẹ ạ con có hỏi cô ba câu cô bảo nghề xiếc rất khó học phải kiên trì và nhẫn nại mới có được tài năng như các nghệ sĩ trên sân khấu*

Bài tập 25: Đặt câu có màu sắc phong cách theo các yêu cầu sau:

- Câu có sử dụng phương thức đối chiếu nghĩa.
- Câu có sử dụng phương thức chuyển nghĩa.
- Câu có sử dụng phương thức cải biến nghĩa.
- Câu có sử dụng phương thức mượn nghĩa.

3. NHÓM BÀI TẬP VỀ ĐOẠN, VĂN BẢN

Bài tập 26: Tìm các phép liên kết trong các trường hợp sau:

(-) *Bữa cơm tối ở nhà cụ Mết, ngoài món canh tàu môn bạc hà nấu trong ống nứa, còn có thêm mấy con cá chua. Đó là món đặc biệt cụ Mết đãi người đi xa về.* (Nguyễn Trung Thành)

(-) *Những buổi trưa hè nắng to. Ngoài vườn, cây cối rũ rượi đứng chịu tội trong ánh nắng lửa.* (Tô Hoài)

(-) *Bốn chiến sĩ trẻ cứ tiến dần ra ngoài ô. Họ tìm tới một trường quân chính.* (Trần Đăng)

(-) *Để trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong.* (Hồ Chí Minh)

(-) *Tôi thường cố gắng sao cho câu của tôi được gọn gẽ và rõ. Cho nên tôi chỉ đặt những câu ngắn.* (Nguyễn Công Hoan)

(-) *Khoảng gần khuya, trên các chòm rừng, gió Tây Nam cuốn mây xám về một góc rồi thổi giạt đi. Gió thổi vào cành lá ngụy trang trên nóc xe ràn rạt.* (Nguyễn Minh Châu)

(-) *Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh.* (Hồ Chí Minh)

(-) *Cô dừng lại, lắng nghe động tĩnh bên trong. Im lặng. Hình như không có ai.* (Lê Phương)

(-) *Những ngày mưa gió. Ngoài trời từng thác nước mưa đổ xuống.* (Nguyễn Hồng)

(-) *Để quốc Mỹ nhất định rút khỏi nước ta.*

Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất.

Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. (Hồ Chí Minh)

Bài tập 27: Nhận xét về phép thế trong các đoạn văn sau:

1- *Đối với nhà thơ, một cô gái đẹp có thể là một vàng trắng, một đoá hoa, một nàng tiên hoặc một con mèo nhỏ. Nhưng đứng trước vành móng ngựa, đối với quan toà và các luật sư, kiều nữ ấy chỉ là một bị cáo.* (Dẫn theo Hà Thúc Hoan)

2- *Người nhà lý trưởng sấn sổ bước đến giờ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng “hậu cận ông lý” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.* (Ngô Tất Tố)

3- *Tôi cúi rạp mình trên chiếc xe đạp. Con ngựa sắt bây giờ như trở chứng, tôi càng cố sức nó càng chạy chậm.*

Bài tập 28: Tìm mô hình lập ý của các đoạn văn sau:

(1). *Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà ta không nghe chẳng.* (Đoàn Giỏi)

(2). Chợ Hòn Gai buổi sáng la liệt tôm cá. Những con cá song khỏe, vớt lên hàng giờ vẫn giẫy đành đạch, vẩy xám hoa đen lốm đốm. Những con cá chim mình dẹt như con chim lúc sải cánh bay, thịt ngọt vào loại nhất nhì. Những con cá nhụ béo núc, trắng lớp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vẩy. Những con tôm he tròn, thịt căng lên từng ngón như cổ tay của trẻ lên ba, da xanh ánh, hàng chân chôi chôi như muốn bơi. (Thi Sảnh)

(3). Cà Mau là đất mưa dông. Vào tháng ba, tháng tư, sớm nắng chiều mưa. Đang nắng đỏ, mưa đổ ngay xuống đỏ. Mưa hối hả không kịp chạy vào nhà. Mưa rất phủ, một hồi rồi tạnh hẳn. Trong mưa thường nổi cơn dông. (Mai Văn Tạo)

(4). Trong các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, đều có các dân tộc thiểu số anh em tham gia. Hà Văn Mai, Cầm Bá Thước đã đem quân giúp Đinh Công Tráng trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Trong cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh, Tống Duy Tân cũng được Cầm Bá Thước giúp sức. Hoàng Hoa Thám chống Pháp được gần 30 năm ở Yên Thế cũng là do Hoàng đã biết dựa vào đồng bào miền núi. Rồi đến Cách mạng Tháng Tám, trước ngày tổng khởi nghĩa và trong thời kháng chiến chống Pháp, căn cứ địa của cách mạng cũng ở Việt Bắc, ở giữa đồng bào thiểu số. (Vũ Ngọc Phan)

(5). Thơ thiên nhiên trong tập “Ngục trung nhật kí” thật sự có những bài rất hay. Có những phác họa sơ sài mà chân thật và đậm đà, càng nhìn càng thú vị, như một bức tranh thủy mặc cổ điển. Có những cảnh lộng lẫy, sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức sơn mài thâm trầm, rộn rịp ... (Đặng Thai Mai)

(6). Chí Phèo là một tính cách đa dạng, nhiều mâu thuẫn. Khi còn là một thanh niên mới lớn, Chí hiền như một cục đất, nhưng về sau lại trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, một kẻ thường gây tai họa cho dân làng. Chí Phèo khi thì có mặc cảm tự ti của một cùn đing, khi thì có mặc cảm tự tôn của người tự cho là anh hùng làng này “cóc” thằng nào bằng mình. Có lúc Chí mù quáng làm tay sai cho Bá Kiến, nhưng cũng có lúc Chí sáng suốt vạch mặt, chỉ tên kẻ thù. Tâm hồn Chí Phèo khi thì khô khan, cộc cằn, khi thì nhuần nhị, yêu thương và rạn lên với tất cả tha thiết và ước mơ. (Lê Bá Hán)

(7). “Bình Ngô đại cáo” có bố cục chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu. Giọng văn khi sâu lắng nghĩ suy, khi sôi nổi căm giận, khi hào hùng sảng khoái, khi tha thiết xúc động, hấp dẫn người đọc từ đầu đến cuối. “Bình Ngô đại cáo” đúng là “một thiên cổ hùng văn”. (Sách VH 12)

(8). Chính quyền nhân dân ta vững mạnh. Quân đội nhân dân ta hùng mạnh. Mặt trận dân tộc rộng rãi. Công nhân, nông dân và trí thức được rèn luyện thử thách và tiến bộ không ngừng. Nói tóm lại: lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn. (Hồ Chí Minh)

Bài tập 29: Xây dựng đoạn văn (không quá 6 câu) theo các mô hình lập ý sau:

- **Mô hình diễn dịch:**

Câu mở đầu: đơn ý ⇒ Câu phát triển: đơn ý ⇒ Câu kết thúc: đơn ý

Câu mở đầu: tổng ý \Rightarrow Câu phát triển: đơn ý \Rightarrow Câu kết thúc: đơn ý

- **Mô hình quy nạp:**

Câu mở đầu: đơn ý \Rightarrow Câu phát triển: đơn ý \Rightarrow Câu kết thúc: tổng ý

- **Mô hình tổng hợp:**

Câu mở đầu: tổng ý \Rightarrow Câu phát triển: đơn ý \Rightarrow Câu kết thúc: tổng ý

Bài tập 30: Chỉ ra các phép liên kết, các phương tiện liên kết, các loại câu trong đoạn văn sau:

(1) A giao có vị ngọt, khí ấm, không độc. (2) Nó làm ngưng chứng ho khạc ra máu; trị ói máu, băng huyết khi có thai. (3) Người hư yếu nên dùng.

Bài tập 31: Chỉ ra các phép liên kết, các phương tiện liên kết, các loại câu trong văn bản sau:

Hai con dê.

(1) Dê đen và dê trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. (2) Dê đen đi đằng này lại. (3) Dê trắng đi đằng kia sang. (4) Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào. (5) Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tòm xuống suối. (Sách Tập đọc I)

Bài tập 32: Chỉ ra các phép liên kết, các phương tiện liên kết, các loại câu trong văn bản sau:

Chùa Trăm Gian

(1) Chùa Trăm Gian, đúng theo như tên gọi, có đủ một trăm gian. (2) Gian nào cũng có tượng. (3) Nếu có dịp tới đó, bạn hãy quan sát kỹ từng ngôi tượng một. (4) Bởi vì, mỗi ngôi tượng đều có những nét riêng được thể hiện trên khuôn mặt và cặp mắt của mỗi vị thần. (5) Đó là tất cả những thành tựu về kiến trúc và cũng là thứ di sản quý báu của cha ông ta. (6) Trong đó chứa đựng cả những bài học sâu sắc về cuộc đời và những kinh nghiệm sống được đúc kết lại qua năm tháng./. (Dẫn theo Hữu Đạt)

Bài tập 33: Chỉ ra các phép liên kết, các phương tiện liên kết, các loại câu trong đoạn văn sau:

"(1) Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một cuộc đời đấu tranh vô cùng gay go và gian khổ. (2) Đấu tranh để không bị ngã gục trước số phận khắc nghiệt và tàn bạo. (3) Đấu tranh để chống lại những lưới bẫy của kẻ thù, những thành kiến lỗi thời của xã hội. (4) Đấu tranh với bên ngoài, đấu tranh với cả bản thân trước những ảnh hưởng tiêu cực của Nho giáo để gia nhập vào hàng ngũ của nhân dân cách mạng và trở thành người nghệ sĩ của nhân dân. (5) Nguyễn Đình Chiểu đã đấu tranh không phải chỉ để giữ mình mà để khẳng định vị trí chiến đấu của bản thân mình trong cuộc đời với tư cách người công dân, người trí thức, người nghệ sĩ". (Hà Huy Giáp)

Dựa vào bảng phân tích, lý luận văn bản về đoạn, nội dung ngữ nghĩa của đoạn, anh (chị) hãy nêu vài nhận xét về đoạn văn trên.

Bài tập 34: Đọc kỹ văn bản sau:

Người thầy đạo cao đức trọng

(1) Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi. (2) Học trò theo ông rất đông. (3) Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, vì thế mà vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học. (4) Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. (5) Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. (6) Lần cuối, ông trả lại mũ áo triều đình, từ quan về làng. (7) Học trò của ông, từ người làm quan to đến người bình thường khi có dịp tới thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. (8) Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm. (9) Khi ông mất đi, mọi người đều thương tiếc./

(Dẫn theo Nguyễn Quang Ninh)

- Chỉ ra các phép liên kết, các phương tiện liên kết, các loại câu trong văn bản.

- Chỉ ra hệ thống lập luận của văn bản. Nêu các cách chia đoạn văn bản.

Bài tập 35: Xây dựng hệ thống lập luận cho bài viết (hoặc bài nói chuyện) cho cuộc hội thảo khoa học sắp tới của bạn.

Bài tập 36: Xây dựng hệ thống lập luận cho bản báo cáo (sơ kết, tổng kết) công tác của cá nhân (hoặc đơn vị).

Bài tập 37: Điền từ thích hợp vào những chỗ trống của đoạn văn. Chỉ ra phong cách ngôn ngữ của đoạn văn.

“- Xem ra mệt lắm nhỉ?

- Hỏi mình ấy, ý chừng muốn nghỉ gì?

- Trông đây!

- Nghỉ? Tại sao hôm nay rức đầu thế, chân tay cứ bủn rủn? Chịu thua thanh niên!”. (Nguyễn Khải)

Bài tập 38: Đặt dấu câu vào những vị trí cần thiết cho các đoạn văn sau:

(1) Sương bắt đầu xuống sương xuống thật nhiều chao ôi sương xuống dày quá sương trắng cả một vùng trước mặt không thể thấy bờ bên kia không thể thấy thuyền giữa sông không thể thấy cả hàng rào ngay trước mặt nhà.

(2) Thanh niên cần phải học học để có tri thức học để sống với cộng đồng học để phụng sự tổ quốc phụng sự nhân dân những người có được sự thành đạt đều phải trải qua một quá trình học tập nghiêm túc và bền bỉ.

(3) Hué những con đường trong nội thành thật yên ắng đi đã nhiều nơi nhưng chỉ khi có dịp trở về đây hương mới thực sự có cái cảm giác nhẹ nhàng thanh thản như cô hằng ao ước một mình giữa trưa hè cô cứ đi đi để tìm lại kỷ niệm tuổi thơ ẩn khuất đâu đó trên những con đường thân quen đã một thời xa vắng

Bài tập 39: Cho các chủ đề:

- Nạn phá rừng đã làm ảnh hưởng đến nguồn nước.

- Tác hại của ma túy.

- Đại dịch covid-19 đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống của người lao động.

- Kinh nghiệm học tốt một môn học ở bậc đại học.

Triển khai mỗi chủ đề thành 3 đoạn, theo 3 phương pháp khác nhau, mỗi đoạn khoảng 7 – 10 câu.

Bài tập 40: Hoàn chỉnh các đoạn văn sau (theo thủ pháp gợi ý):

(1) ngày xưa là vùng đất hoang vắng .. .(Tương phản)

(2) Có nhiều lý do để chúng ta phải thức dậy sớm. (Liệt kê)

(3) Các bạn trẻ thường quan tâm đến một.... (Móc xích)

(4) quê tôi có nhiều cảnh đẹp... (Liệt kê)

Bài tập 41: Chỉ ra những lỗi của văn bản sau:

Đô thị cổ Hội An

Từ thế kỷ 16, 17, thương cảng Hội An là tụ điểm mậu dịch có tính Quốc tế ở Đàng Trong - Việt Nam. Thuyền buôn nước ngoài tấp nập cập bến mở hội chợ, trao đổi hàng hoá, hàng năm từ 4 đến 6 tháng liền. Thương nhân các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hà Lan, Ấn Độ...đã lập thương điểm hoặc lập phố cư trú lâu dài.

Do nhiều cơ may, đến nay khu phố cổ Hội An vẫn bảo tồn hầu như nguyên trạng một quần thể di tích kiến trúc gồm nhiều loại hình: Nhà ở, Hội quán, Đình, Chùa, Miếu, Giếng, Cầu, Nhà thờ Tộc, Bến cảng, Chợ kết hợp với đường giao thông ngang dọc tạo thành các ô vuông kiểu bàn cờ, mô hình phổ biến của các đô thị thương nghiệp thành phố Phương Đông thời Trung đại. Cùng cuộc sống thường ngày của cư dân với những tập quán lâu đời đang được duy trì, nơi đây còn là mô hình bảo tàng sống về kiến trúc và lối sống đô thị.

Đô thị cổ Hội An cùng với cảnh quan thiên nhiên, bãi tắm, sông nước, hải đảo, các món đặc sản truyền thống đang là nơi hấp dẫn khách du lịch tham quan - nghiên cứu trong và ngoài nước.

(Trích vé tham quan "Hội An di sản văn hoá thế giới" năm 2001)

Bài tập 42: Nêu những ý chính và tóm tắt văn bản sau:

Siêu âm chẩn đoán

Siêu âm là mắt thần nhìn sâu vào cơ thể, vì cũng theo nguyên tắc mắt thần Radar, Radar phóng những luồng sóng điện từ vào không gian, khi chạm phải vật cản sẽ trở ngược về nguồn, báo sự hiện diện của vật thể lên màn ảnh. Từ đầu dò máy siêu âm phát ra chùm sóng siêu âm có tần số từ 2,5Mhz đến 10Mhz (tùy loại đầu dò) rất cao so với âm thanh nghe được là từ 16Hz đến 20.000Hz, khi đi xuyên vào cơ thể chùm sóng này va chạm cấu trúc bên trong cho ra những hồi âm trở lại đầu dò, vào máy trở thành những tín hiệu được xử lý bằng máy vi tính để tạo nên hình ảnh trên màn hình. Do đó siêu âm chẩn đoán còn gọi là hồi âm kí (echography). Tùy theo độ hồi âm của các cấu trúc, ảnh hiện ra trên màn hình

theo một thang xám (Gray scale) trên đó màu đen sẽ là cấu trúc không cho hồi âm, và màu trắng khi cấu trúc cản âm hoàn toàn tức là cho hồi âm tối đa, khoảng giữa là màu xám đậm khi hồi âm kém và xám nhạt lúc hồi âm dày.

Trong cơ thể, xương là cấu trúc có calcium cho hồi âm mạnh nhất nên có màu trắng, nước là chất không có hồi âm nên cho màu đen. Ngược với X quang, khí cho hồi âm nhiều khi tạo giao diện với dịch nên sẽ cũng cho màu trắng, và mỡ cho hồi âm nhiều nên có màu xám nhạt đến trắng. Người ta còn chú ý đến bản chất âm sau cấu trúc như bóng lưng nếu không còn chùm siêu âm, hoặc tăng âm nếu cấu trúc ít hồi âm

Siêu âm có nhiều kiểu:

- Siêu âm kiểu A (A mode: amplitude) cho dạng đồ thị của biên độ hồi âm.
- Siêu âm kiểu TM (TM mode: time motion) cho dạng đồ thị di động theo thời gian.
- Siêu âm kiểu B (B mode: brightness) cho tập hợp những điểm sáng để tạo thành hình ảnh hai chiều. Đây là loại siêu âm thông dụng nhất hiện nay.
- Siêu âm Doppler / Doppler màu dùng nguyên tắc Doppler để khảo sát về huyết động học tim và mạch máu.

Ta cũng cần biết đặc tính của chùm sóng siêu âm thay đổi theo tần số. Đầu dò tần số thấp (từ 2,5 - 3,5Mhz) khảo sát vùng sâu như bụng. Đầu dò tần số cao (từ 5Mhz trở lên) khảo sát vùng nông như tuyến vú, giáp, phần mềm ngoài da.

Chùm siêu âm muốn vào cơ thể cần có cửa sổ dẫn âm, môi trường dẫn âm tốt nhất là nước nên bệnh nhân thường được dặn uống nước và để bong đái căng. Ngoài ra giữa đầu dò và da không được có không khí nên bệnh nhân được thoa một lớp gel để tăng sự tiếp xúc đầu dò với da. Nên nhớ siêu âm kỹ nhất là cấu trúc cơ thể cho hồi âm quá nhiều như xương hay khí, nên không còn đủ sóng để khảo sát phần sâu hơn. Ngược lại cấu trúc có dịch sẽ rất thích hợp với siêu âm, vì sóng siêu âm được dẫn truyền tốt. Do đặc tính đó siêu âm được chỉ định khám:

- Bụng tổng quát: tốt nhất cho các bộ phận đặc như gan, mật, lách, tụy, thận, tử cung, buồng trứng, bàng quang và các mạch máu, hạch tân dịch... Riêng ống tiêu hóa do có chứa khí nên siêu âm bị hạn chế, nhưng với kỹ thuật cho nước vào ống tiêu hóa có thể giúp khảo sát ống tiêu hóa dễ dàng hơn và với bác sĩ nhiều kinh nghiệm có thể định được những bệnh lý u bướu, viêm nhiễm đường ruột...

- Khám sản phụ khoa: thai nhi được bao bọc bởi dịch ối nên khám bằng siêu âm rất tốt và có khả năng định được những bệnh tim não v.v... từ trong bụng mẹ, kể cả những dị dạng bẩm sinh. Bệnh lý phụ khoa cũng được siêu âm xác định rất tốt.

- Các bộ phận nằm gần ngoài da như tuyến giáp, tuyến vú, tinh hoàn, hạch, khối choán dưới da, cơ và các khớp được khảo sát tốt bởi siêu âm ở đầu dò từ 5Mhz trở lên.

- Não của trẻ em nhờ xương sọ còn các thóp nên siêu âm tốt, còn người lớn sóng siêu âm qua xương sọ rất khó nên không có giá trị (đặc biệt là người có lỗ thám sát sọ thì có thể siêu âm não được).

- Hệ thống xương không thể khảo sát được bằng siêu âm, tuy nhiên siêu âm có thể phát hiện được sự hủy xương bất thường của xương.

Khảo sát tim mạch máu bằng siêu âm Doppler / Doppler màu rất quan trọng và có giá trị rất cao nhờ biết được huyết động học của lòng máu.

- Phổi rất khó khảo sát bằng siêu âm vì chứa khí. Nhưng vùng lồng ngực vẫn có chỉ định khám siêu âm như khám màng phổi để phát hiện tràn dịch màng phổi thì siêu âm tốt và sớm hơn X quang. Trung thất được khám để tìm bản chất khối choán chỗ.

Siêu âm chẩn đoán là phương pháp mới du nhập vào nước ta từ năm 1986 nhưng đã phát triển rất nhanh và mang lại nhiều lợi ích cho việc chẩn đoán bệnh. Ngoài ra, do tính cách kinh tế, không đòi hỏi sự phức tạp, lại hoàn toàn không gây hại cho người bệnh, siêu âm chẩn đoán hầu như trở nên phương pháp đứng đầu trong chẩn đoán hình ảnh. Dù còn một số giới hạn nhưng nếu phối hợp siêu âm với X quang, nội soi thì ta có thể giải quyết đa số những vấn đề nan khó cho việc định bệnh./.

(Nguyễn Văn Công - Thuốc và sức khỏe số 56 (15.11.1995))

Bài tập 43: Xây dựng 1 văn bản dưới dạng đơn đề đạt nguyện vọng cá nhân.

Bài tập 44: Xây dựng 1 văn bản dưới dạng biên bản ghi lại sự việc bất thường.

Bài tập 45: Suu tầm, thực tập làm đề cương nghiên cứu khoa học.

1/ Suu tầm: Các tài liệu về hướng dẫn lập đề cương nghiên cứu hoặc mẫu đề cương nghiên cứu của các đơn vị có quản lý nghiên cứu khoa học.

2/ Thực tập: Lập đề cương nghiên cứu cho một đề tài mình đang quan tâm hoặc dự định làm luận văn tốt nghiệp.

*

* *